TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

**Học kỳ 3 , năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: 7KE0190\_01

Tên học phần: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã nhóm lớp học phần: **213-** **7KE0190\_01-LẦN 1**

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 PHÚT

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):**

***Gợi ý:***

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP UPLOAD FILE ẢNH HOẶC FILE EXCEL

**PHẦN TRẮC NGHIỆM 5 CÂU- 0.6 ĐIỂM /CÂU - (3 điểm)**

Chi phí nào sau đây không là chi phí sản xuất chung của công ty sản xuất đồ chơi trẻ em?

A. Chi phí tiền lương nhân viên bán hàng

B. Chi phí bảo hiểm hỏa hoạn cho nhà máy

C. Lương trả cho nhân viên kế toán ở nhà máy

D. Chi phí đồng phục cho công nhân

ANSWER: A

Có số liệu về thông tin số lượng và chi phí của một loại chi phí như sau:

 Số lượng Chi phí.

 15 đơn vị 75,000đ

 32 đơn vị 160,000đ

 56 đơn vị 280,000đ

Chi phí này thuộc dạng nào?

A. Biến phí

B. Chi phí hỗn hợp

C. Định phí

D. Định phí bắt buộc

ANSWER: A

Chi phí biến đổi của công ty Nhân Tài chiếm 48% doanh thu. Doanh thu hòa vốn của công ty là bao nhiêu? Giả định rằng tổng định phí của công ty là 104,000 nghìn đồng/năm

A. 200,000 nghìn đồng

B. 216,667 nghìn đồng

C. 300,000 nghìn đồng

D. 350,000 nghìn đồng

ANSWER: A

Công ty Kỷ Nguyên có dữ liệu dự tính cho năm 2017 như sau: (1.000 đồng)

Tài sản hoạt động bình quân 500,000

Doanh thu 1,200,000

Thu nhập hoạt động ròng 60,000

Suất sinh lợi tối thiểu của công ty 10%

Từ dữ liệu trên tỷ suất sinh lợi trên đầu tư (ROI) của công ty sẽ là?

A. 12%

B. 5%

C. 60%

D. 25%

ANSWER: A

Công ty D sản xuất hai loại sản phẩm A, B, số dư đảm phí đơn vị của A, B lần lượt là 15,000đ và 10,500đ. Mỗi tuần công ty chỉ có thể hoạt động tối đa 200 giờ máy, để sản xuất sản phẩm A cần 4 giờ, B cần 2.5 giờ. Công ty muốn đạt lợi nhuận tối đa thì công ty nên dành toàn bộ giờ máy để sản xuất:

A. B vì có số dư đảm phí / giờ máy cao hơn

B. B vì có số dư đảm phí / đơn vị cao hơn

C. A vì có số dư đảm phí / đơn vị cao hơn.

D. A vì có số dư đảm phí / giờ máy cao hơn

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm) Gồm 3 câu**

**Câu 1 (2 điểm)**

Công ty An Bình có số giờ máy và chi phí tiền điện thắp sáng và vận hành máy móc thiết bị của hai kỳ tiêu thụ lớn nhất và nhỏ nhất như sau:

Tháng Số giờ máy Chi phí tiền điện

 (giờ) (triệu đồng)

 3 200 3,220

 5 500 4,600

***Yêu cầu:***

1. Sử dụng phương pháp cực đại cực tiểu, viết phương trình thể hiện mối quan hệ giữa số giờ máy và chi phí tiền điện. (1 điểm)
2. Hãy tính chi phí tiền điện dự kiến của tháng 6 tới nếu số lượng giờ máy chạy là 650 giờ. (1 điểm)

**Đáp án Câu 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| Phương trình chi phí tiền điện có dạng : Y=bX+a |  |  |  |
| Với b= (Ymax-Ymin)/(Xmax-Xmin)= (4600-3220)/(500-200)=4.6 |  |
| => a= 4600-4.6\*500=2300 |  |  |  |  |  |
| Vậy phương trình có dạng Y= 4.6X+2300 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |  |  |
| Với X=650 => chi phí tiền điện tháng 6 dự kiến là Y= 4.6\*650+2300= | 5290 |

**Câu 2 (2 điểm)**

**Công ty S sản xuất một loại sản phẩm và vừa mới xây dựng định mức chi phí cho loại sản phẩm mới này như sau:**

* Nguyên liệu trực tiếp: 5m/ sản phẩm với giá 2,800đ/m.
* Nhân công trực tiếp: 1,5giờ/ sản phẩm với đơn giá 11,500đ/ giờ.

Trong tháng, công ty đã sản xuất được 1,700 sản phẩm. Các thông tin có liên quan như sau:

* Nguyên liệu trực tiếp mua trong kỳ 10.000 m với giá thực tế 3,000đ/m. Không có nguyên liệu tồn kho đầu kỳ, nguyên liệu tồn kho cuối kỳ là 1,840m.
* Nhân công trực tiếp: 2,800 giờ được sử dụng với tổng chi phí là 33,600,000đ.

***Yêu cầu:***

1. Tính biến động đơn giá và biến động lượng nguyên vật liệu trực tiếp (1điểm)
2. Tính biến động đơn giá và biến động năng suất của nhân công trực tiếp (1điểm)

 **Đáp án Câu 2**

|  |
| --- |
| **Biến động nguyên vật liệu trực tiếp** |
| **Q1 sản xuất=**  |  8,160  | m |
| **Q1mua=**  |  10,000  | m |
| **Q0=q0\*số lượng sp sản xuất thực tế** |  5\*1700= 8,500  | m |
| **P1=** |  3,000  |  đ/m  |
| **P0=** |  2,800  |  đ/m  |
|  ***Biến động về giá*** |  |
| =(3000-2800)\*10000=2,000,000 (BL) |   |
|  ***Biến động về lượng*** |  |
| =(8160-5\*1700)\*2800=(952,000) (CL) |   |
| **Tổng biến động 1,048,000 (BL)** |   |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Biến động nhân công trực tiếp** |  |
| **H1=** |  2,800 Giờ |  |
| **H0=** |  2,550 Giờ |  |
| **R1=** |  12,000 đ/ giờ |  |
| **R0=** |  11,500 đ/ giờ |  |
|  ***Biến động về giá*** |  |
| =(33600000/2800-11500)\*2800= |  1,400,000 (BL) |
|  ***Biến động về năng suất*** |  |
| =(2800-1.5\*1700)\*11500= |  2,875,000 (BL) |
| **Tổng biến động** |  **4,275,000** (BL) |

**Câu 3 (3 điểm)**

**Công ty Nhân Tài có tài liệu trong tháng 6 như sau: (đơn vị tính: 1.000 đồng)**

* Năng lực sản xuất tối đa hàng tháng 55,000 sản phẩm
* Số lượng sản phẩm tiêu thụ trong tháng 6 là 45,000 sản phẩm
* Giá bán 1 sản phẩm là 80.
* Chi phí sản xuất sản phẩm gồm:
* Chi phí NVLTT : 720,000 (Biến phí)
* Chi phí NCTT: 585,000 (Biến phí)
* Chi phí SXC: 1,750,000 (Chi phí hỗn hợp)
* Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: 570,600
* Trong chi phí SXC có biến phí sản xuất chung là 11 nghìn đồng/sản phẩm. Trong chi phí bán hàng có biến phí hoa hồng bán hàng **chiếm 10% trên doanh thu**.

**Yêu cầu:**

1. Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo hình thức số dư đảm phí cho tháng 6 (đầy đủ 3 cột: tổng, đơn vị và %). (2 điểm)
2. Tính sản lượng và doanh thu hòa vốn của công ty. (0.5 điểm)
3. Nếu tăng chi phí quảng cáo thêm 60,000 thì sản lượng tiêu thụ tăng 10%. Muốn đạt lợi nhuận là 102,950 thì giá bán một sản phẩm là bao nhiêu? (0.5 điểm)

**Đáp án Câu 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |
| Báo cáo kết quả kinh doanh theo hình thức số dư đảm phí cho tháng 5  |
|  | **Tổng** | **ĐV** | **%** |
| **Doanh thu** | **3,600,000** | **80** | **100%** |
| **Biến phí** | **2,160,000** | **48** | **60%** |
| + Biến phí NVLTT | 720,000 | 16 |  |
| + Biến phí NCTT | 585,000 | 13 |  |
| + Biến phí SXC | 495,000 | 11 |  |
| + Biến phí hoa hồng bán hàng | 360,000 | 8 |  |
| **Số dư đảm phí** | **1,440,000** | **32** | **40%** |
| **Định phí** | **1,465,600** |  |  |
| + Định phí SXC | 1,255,000 |  |  |
| + Định phí BH và QLDN | 210,600 |  |  |
| **Lợi nhuận** | **-25,600** |  |  |
| **2** |  |  |  |
| SLHV = Định phí / SDĐPĐV= 1465600/32= |  45,800  |  |
| DTHV = Định phí / tỷ lệ %SDĐP= 1465600/40%= |  3,664,000  |  |
| **3** |  |  |  |
| Ta có phương trình lợi nhuận mới :  |  |  |
| 49500\*P-(40+10%P)\*49500-1465600-60000=102950 |  |
| => P= | 81 |  |  |

*Ngày biên soạn: 22/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi:**

Lê Như Hoa

*Ngày kiểm duyệt:*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email:khaothivanlang@gmail.combao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).